

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và đầu tư công với thanh khoản tiếp tục giảm

[Hợp đồng tương lai]

HĐTL VN30F2307 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

FPT, HHV

[Cập nhật công ty]

GVR

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

20/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,108.82	+0.31
VN30	1,101.47	+0.23
HĐTL VN30F1M	1,097.00	+0.05
HNXIndex	228.77	+0.99
HNX30	434.29	+1.75
UPCoM	84.72	+0.20
USD/VND	23,526	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.69	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.63	+11
Dầu (WTI, \$)	71.25	-0.74
Vàng (LME, \$)	1,954.82	+0.22



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,108.82 (+0.31%)
KLGD (triệu CP) 593.0 (-15.0%)
GTGD (triệu U\$) 527.8 (-13.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm cuối phiên trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản và đầu tư công với thanh khoản tiếp tục giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại VNM (-0.5%), SSI (+1.2%), VCB (-1.8%).

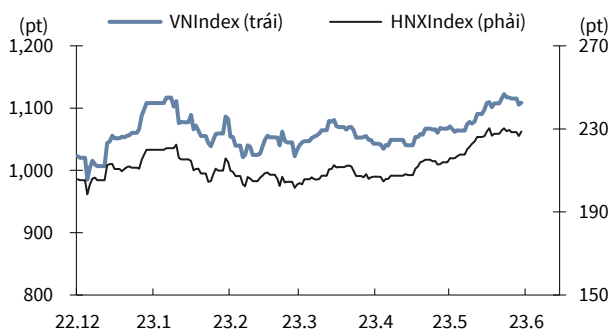
HNXIndex 228.77 (+0.99%)
KLGD (triệu CP) 77.1 (-42.3%)
GTGD (triệu U\$) 51.9 (-36.1%)

Trên sàn giao dịch, giá quặng sắt kỳ hạn ghi nhận tăng tuần thứ ba liên tiếp. Cụ thể, giá quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trong tháng 9 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên (DCE) kết thúc giao dịch (ngày 19/06) tăng 0.12%, ở mức 815 nhân dân tệ/tấn. Giá cổ phiếu nhóm Thép tăng giá ở HSG (+2.15%), NKG (+3.35%).

UPCoM 84.72 (+0.20%)
KLGD (triệu CP) 39.9 (-21.9%)
GTGD (triệu U\$) 22.0 (-4.2%)

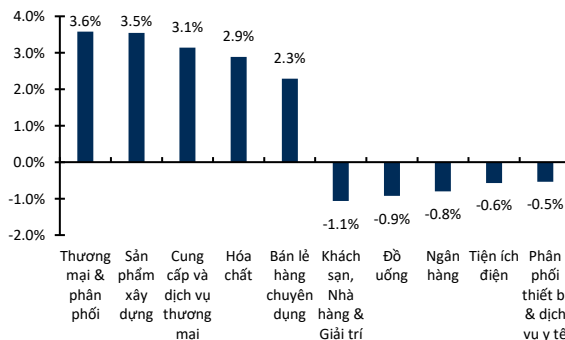
Ghi nhận giá heo hơi ngày 20/6 tại miền Bắc đi ngang, trong khi miền Trung và miền Nam tăng 1,000 - 2,000 đồng/kg so với hôm qua. Hiện giá heo hơi được thu mua trong khoảng 57,000 - 63,000 đồng/kg. Giá cổ phiếu nhóm Chăn nuôi tăng giá ở HAG (+0.76%), BAF (+0.00%).

VNIndex & HNXIndex



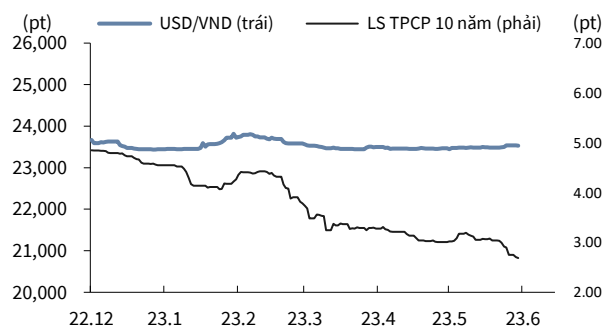
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



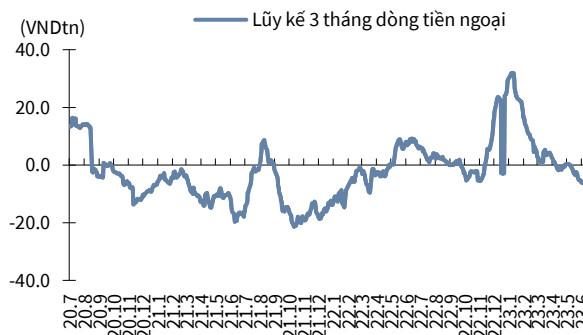
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

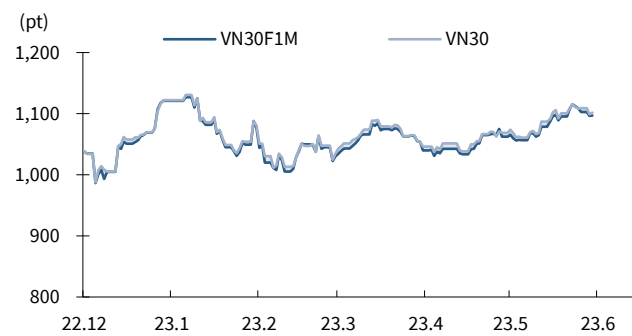
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,101.47 (+0.23%)
VN30F1M	1,097.0 (+0.05%)
Mở cửa	1,096.0
Cao nhất	1,097.9
Thấp nhất	1,090.1

HĐTL VN30F2307 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa ở mức cao nhất phiên tại -2.24 điểm, sau đó biến động quanh mức -4 điểm và đóng cửa tại -4.27 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

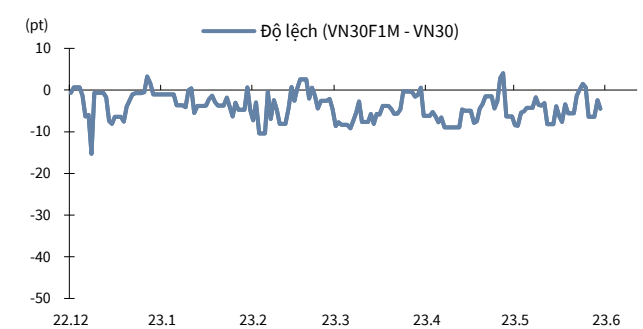
KLGD (HĐ)	161,609 (-13.9%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



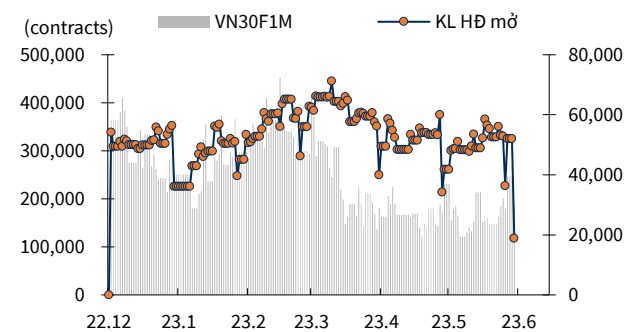
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



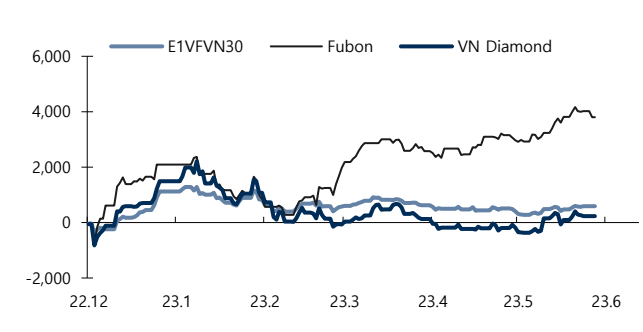
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

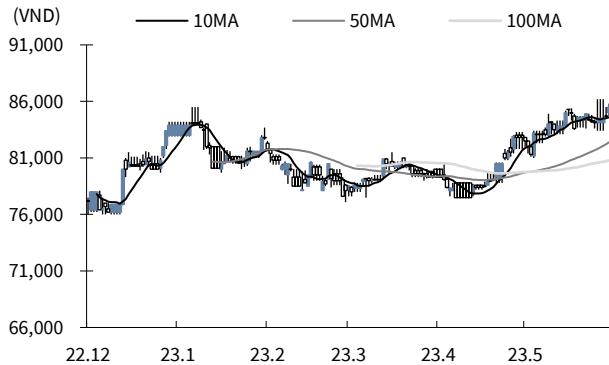
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP FPT (FPT)

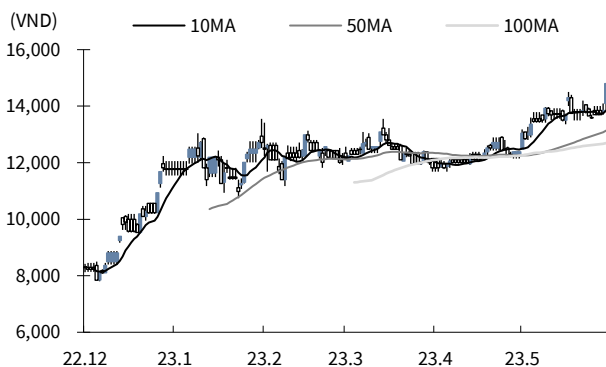


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 0.94% lên 85,500VND/cp

- CTCP FPT vừa công bố kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2023 với lãi trước thuế đạt 3,610 tỷ đồng, tăng 19.2% YoY và doanh thu 19,943 tỷ đồng, tăng gần 23% YoY. Với kết quả trên, tập đoàn đã thực hiện được lần lượt 40% và 38% hai chỉ tiêu sau 5 tháng.

CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HHV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HHV tăng 6.86% lên 14,800VND/cp

- CTCP Tập đoàn Đèo Cả đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 với tổng doanh thu hợp nhất 6,700 tỷ đồng, tăng 50% YoY. Với kế hoạch sản xuất kinh doanh này, Tập đoàn Đèo Cả đặt kế hoạch chi trả cổ tức tối đa bằng 80% lợi nhuận sau thuế. Bên cạnh đó, HHV đã được chỉ định là tổng thầu thi công cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn có chiều dài 88 km, tổng mức đầu tư 20,469 tỷ đồng.

19/06/2023

1Q2023, GVR ghi nhận doanh thu thuần 4,315 tỷ VND (-15% yoy), LNST 756 tỷ VND (-43% yoy)

Các mảng mủ cao su, công nghiệp cao su, gỗ và các sản phẩm từ gỗ của GVR khó phục hồi trong 2023

Nam Tân Uyên 3 là động lực tăng trưởng KCN của GVR trong ngắn và trung hạn

GVR đang tập trung tiến hành thủ tục, đẩy nhanh tiến độ cho 8 dự án KCN, kì vọng có thể đi vào khai thác trước 2026

Khuyến nghị MUA – giá mục tiêu 23,800 VND/cổ phiếu

1Q2023, GVR ghi nhận doanh thu 4,315 tỷ VND (-15% yoy), trong đó đóng góp chính vẫn là doanh thu từ mủ cao su đạt 2,916 tỷ VND. Sản lượng và giá bán sản phẩm cao su và gỗ của GVR đều giảm mạnh dẫn đến sự sụt giảm của biên gộp GVR, từ mức 30% năm 2022 xuống 24% năm 2023. LNTT GVR trong 1Q2023 ghi nhận 948 tỷ VND, hoàn thành 19.6% LNTT kế hoạch đặt ra cho 2023.

Các mảng cao su và gỗ của GVR dự kiến sẽ chưa có chuyển biến tích cực trong năm nay. Giá mủ cao su vẫn đang ở mức thấp, cầu các sản phẩm từ cao su vẫn chưa thể phục hồi trong tình trạng kinh tế thế giới bất ổn như hiện nay, mảng gỗ sẽ tiếp tục khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường BĐS và suy thoái kinh tế tại nhiều quốc gia.

Việc Nam Tân Uyên 3 – KCN nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bình Dương – được giao đất vào cuối tháng 5 vừa qua đã tạo dư địa tăng trưởng trong ngắn và trung hạn cho GVR, dự kiến đóng góp vào KQKD của GVR từ cuối 2023, đầu 2024.

Từ nay cho đến 2025, tập đoàn đặt ra mục tiêu chuyển đổi đất cho ít nhất 2,900 ha. Với sự phức tạp và chậm trễ của quy trình pháp lý, GVR dồn lực tập trung đẩy nhanh tiến độ cho 8 KCN, kì vọng có thể đưa vào khai thác bắt đầu từ năm sau, muộn nhất là vào năm 2026.

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GVR, mức giá mục tiêu 23,800 VND/cp, tương ứng với mức sinh lời 19.7% so với mức giá đóng cửa ngày 16/06/2023.

Mua duy trì

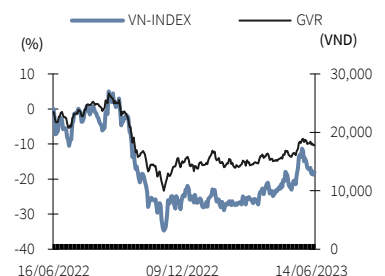
Giá mục tiêu	23,800 VND
Tăng/giảm (%)	33.7%
Giá hiện tại (16/06/2023)	17,800 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	19,830 VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	71.2/3.03

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	3.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	50,254
Sở hữu nước ngoài (%)	0.48%
Cổ đông lớn	Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại DN (96.8%)

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	10	20	18	-24
Tương đối	6	14	13	-18

Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	26,190	25,426	23,205	24,639
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	5,783	4,381	3,831	4,504
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	4,158	3,839	2,963	3,453
EPS (VND)	1,040	807	741	863
Tăng trưởng EPS	10%	-22%	-8%	17%
P/E (x)	13.3	22.1	24.0	20.6
P/B (x)	2.8	1.0	1.5	1.4
ROE	10.3%	8.9%	6.4%	7.0%
Tỷ suất cổ tức	0.2%	0.2%	0%	0%

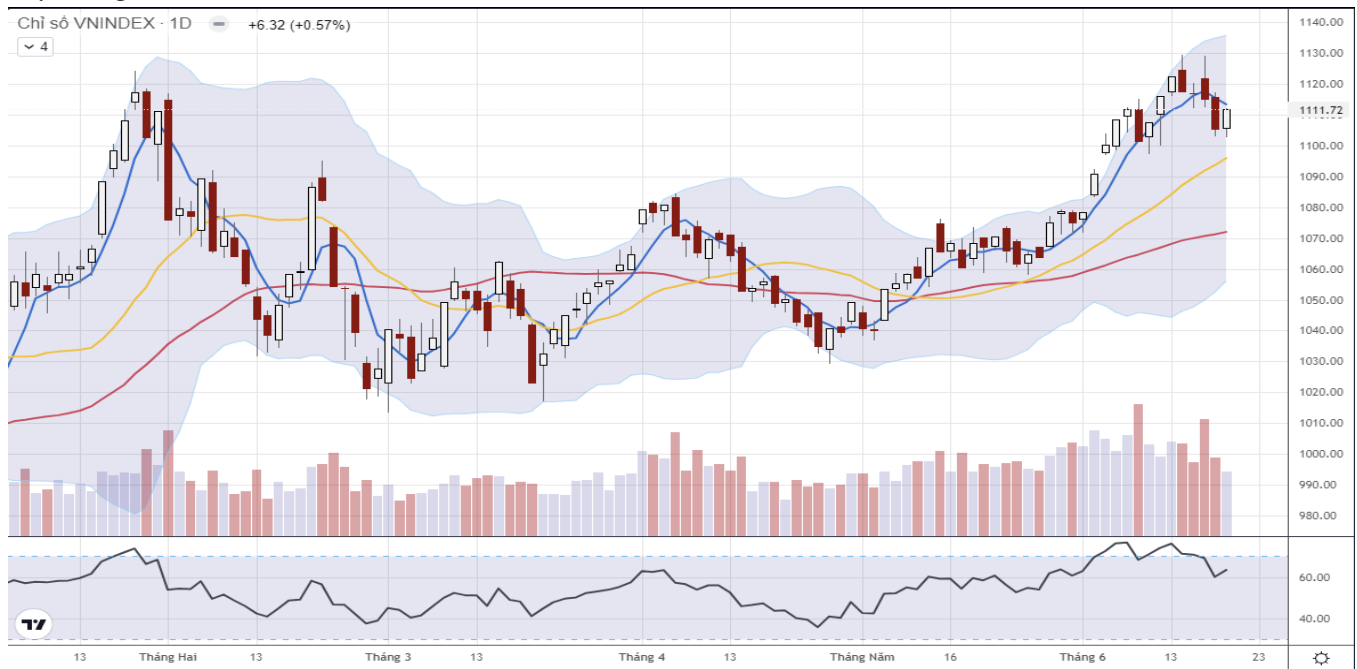


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

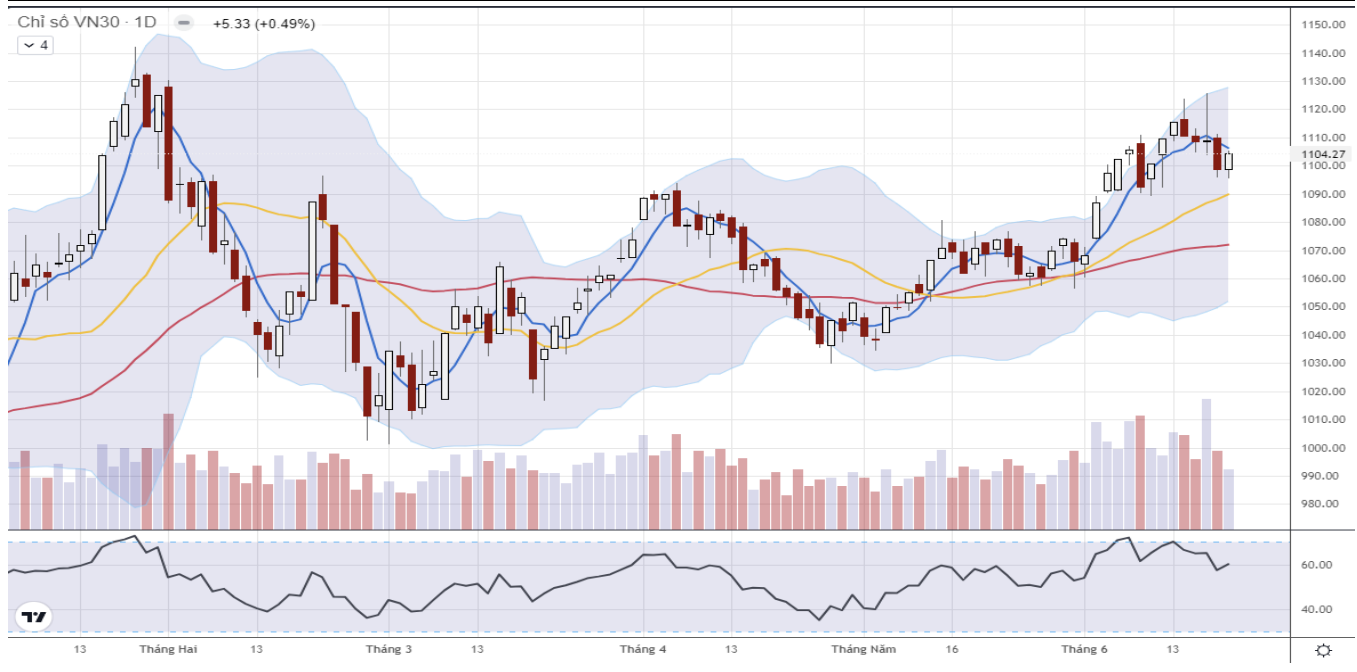
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



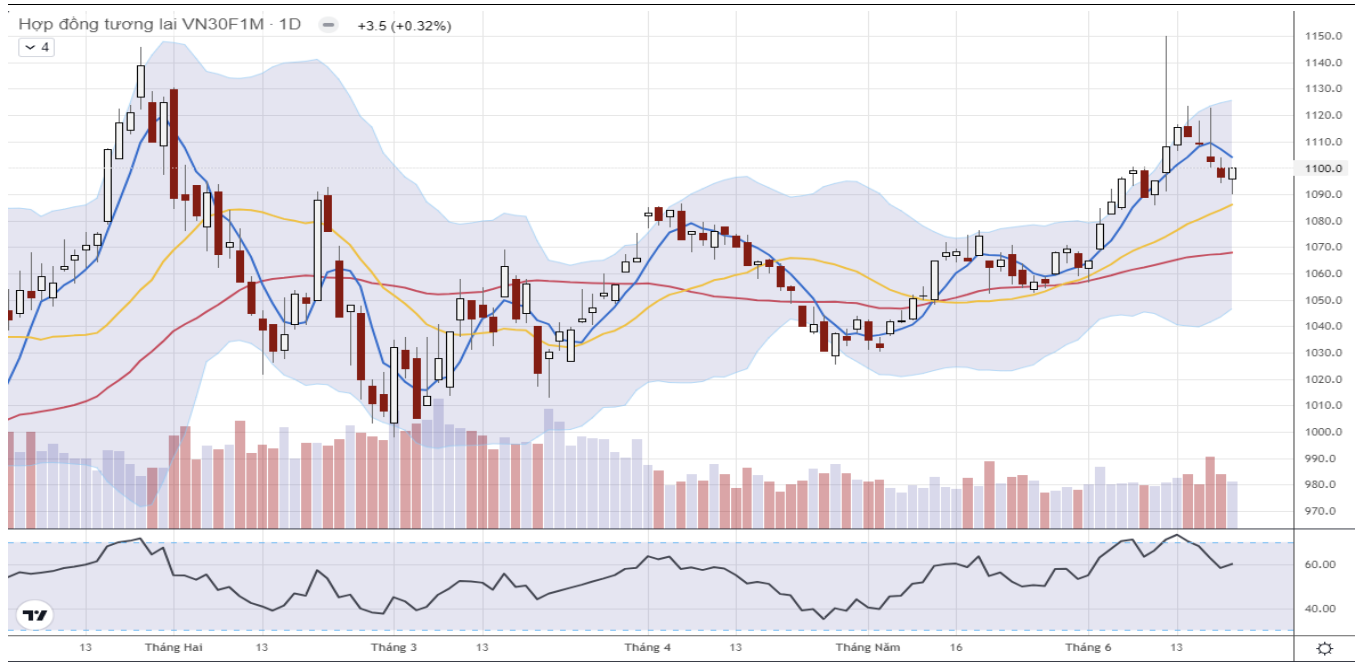
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp điều chỉnh giảm co trong phiên trước khi dần hồi phục và tăng điểm trở lại về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời tiếp tục suy yếu cùng với việc lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1105-1110. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ vẫn còn tiếp diễn trong các phiên tới, VNIndex đang có nhiều cơ hội thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 1116-1120.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1115 – 1118

Kháng cự gần: 1107– 1110

Hỗ trợ gần: 1088 – 1090

Hỗ trợ xa: 1082 – 1085

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm giảm co trong phiên với biên độ mở rộng.
- Áp lực chốt lời tiếp tục suy yếu cùng với việc lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số bảo vệ thành công ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1090. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ vẫn còn tiếp diễn trong các phiên tới, F1 đang có nhiều cơ hội thử thách lại ngưỡng cản gần quanh 1107-1110.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

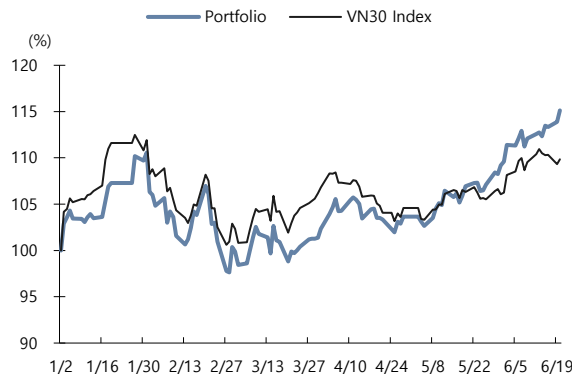
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.49%	1.07%
Tăng lũy kế (YTD)	9.86%	15.13%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 20/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	42,500	2.4%	10.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	25,700	-2.7%	22.7%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,300	0.0%	25.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,250	-0.3%	3.7%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	21,250	1.9%	24.3%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,500	0.9%	252.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,200	2.1%	54.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	96,500	1.4%	31.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	23,650	1.3%	112.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	28,750	3.6%	179.8%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	1.3%	24.8%	37.2
KBC	3.6%	19.7%	26.8
FUEKIVFS	-0.3%	89.3%	24.7
DXG	5.2%	18.3%	24.3
HDG	1.7%	23.4%	22.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.5%	54.3%	-81.5
SSI	1.2%	45.0%	-62.4
VCB	-1.8%	23.6%	-53.1
STB	1.7%	25.9%	-49.8
VPB	0.3%	17.2%	-44.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	2.2%	6.4%	13.4
TNG	2.2%	17.0%	2.3
PVG	9.2%	4.5%	0.7
PVI	1.0%	59.7%	0.6
IDJ	-3.9%	0.7%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	1.2%	1.1%	-31.1
PVS	0.9%	21.1%	-9.8
BVS	1.7%	6.1%	-0.9
NVB	0.0%	8.5%	-0.9
THD	0.5%	0.7%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Cung cấp và dịch vụ thương mại	8.2%	TLG, ILB, APC, ST8
Hàng hải	6.8%	VSC, VOS, SKG, VTO
Bao bì & đóng gói	6.7%	TDP, SVI, MCP, TPC
Chứng khoán	3.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Phụ tùng oto	3.2%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-3.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Đồ gia dụng	-3.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
Thực phẩm	-3.2%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tiện ích điện	-2.8%	PGV, NT2, PPC, TTA
Máy móc	-2.3%	TCH, HHS, SRF, SHA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	18.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Hàng hải	14.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Hóa chất	14.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Thiết bị điện	14.4%	GEX, SAM, CAV, RAL
Thương mại & phân phối	13.6%	VPG, TSC, BTT, TNA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-3.6%	AST, VNG, DSN, DAH
Đồ uống	-3.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng không dân dụng	-2.9%	VJC, HVN
Phụ tùng oto	-1.7%	DRC, CSM, PAC, TNC
Sản xuất điện	-0.8%	POW, VSH, GEG, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	96,450 (4.1)	22.5	70.3	64.3	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	0.0	-3.7	-0.8	-3.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	88,470 (3.8)	26.6	7.9	7.3	35.9	19.2	17.6	1.4	1.2	0.7	-2.3	2.4	15.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	85,778 (3.7)	17.8	15.3	13.8	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	0.4	-1.7	-4.8	1.3
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	444,374 (18.9)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	3.2	-7.4	9.5	3.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	71,898 (3.1)	11.6	23.1	16.5	13.7	8.1	11.3	1.7	1.6	0.3	-0.5	3.6	15.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	265,526 (11.3)	13.9	37.1	27.9	-	2.8	3.6	-	-	4.8	4.8	7.8	19.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	77,435 (3.3)	6.3	14.0	12.3	11.7	23.0	21.0	2.8	2.3	-1.4	-2.1	6.5	25.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	41,420 (1.8)	12.7	11.3	9.4	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	0.1	-2.3	-2.4	12.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	154,276 (6.6)	0.0	5.7	4.9	14.3	16.0	15.9	0.9	0.7	0.0	-2.1	8.3	24.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	129,674 (5.5)	1.4	8.4	7.0	50.3	16.4	17.2	1.1	1.0	0.3	1.4	2.5	5.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	252,806 (10.8)	0.0	8.7	6.7	18.8	12.6	12.5	1.1	0.9	0.0	-0.3	0.8	8.7
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	211,158 (9.0)	0.0	4.8	4.1	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	0.3	-3.4	5.1	14.6
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	43,694 (1.9)	4.2	4.6	4.5	23.3	23.0	19.7	1.0	0.8	-0.5	-1.9	-5.9	14.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	449,638 (19.1)	14.0	7.7	4.5	26.5	18.9	24.8	1.2	0.9	1.2	3.2	4.5	29.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	135,087 (5.8)	0.0	4.8	4.2	37.4	20.0	19.6	1.0	0.8	-0.8	0.0	7.7	20.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	156,045 (6.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.2	-3.5	8.9	-10.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	36,319 (1.5)	21.0	15.7	14.1	15.8	10.1	10.6	1.5	1.4	-0.2	-3.1	-1.6	-6.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,096 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	-0.2	-3.4	0.0	10.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	499,956 (21.3)	55.4	21.1	17.1	-3.2	8.3	10.2	-	-	0.2	0.4	11.1	43.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	173,887 (7.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.3	7.1	8.2	58.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	183,741 (7.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.2	3.8	5.4	35.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	674,353 (28.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.8	3.8	20.2	43.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	203,797 (8.7)	42.1	15.4	14.2	4.0	29.0	31.2	4.2	4.1	-0.3	-3.0	-4.4	-13.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,823 (0.8)	36.9	21.7	19.8	7.3	21.2	21.5	3.8	4.2	-1.0	-4.0	-3.4	-7.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	101,797 (4.3)	16.5	31.9	16.0	-51.9	8.0	12.9	3.8	2.9	1.1	-4.4	4.0	-19.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	16,518 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.3	-4.5	3.2	-7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	75,758 (3.2)	11.0	82.1	44.6	-88.5	5.9	11.2	-	-	-0.6	-1.6	-3.7	-13.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	35,098 (1.5)	10.8	12.4	16.3	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	1.2	-0.4	0.8	11.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	195,726 (8.3)	38.4	14.8	12.1	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	6.9	5.4	22.9	43.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	351,366 (15.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	2.7	0.5	34.6	53.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	39,966 (1.7)	3.6	24.0	20.2	-52.4	2.5	2.8	-	-	1.7	-4.0	3.2	98.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	54,417 (2.3)	0.0	11.1	10.6	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	0.2	1.0	8.0	2.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	53,891 (2.3)	46.1	15.8	15.7	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	0.1	1.4	0.4	-6.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,953 (0.8)	31.4	11.5	11.3	-10.5	15.1	17.1	1.9	1.9	-1.9	-3.4	-2.7	7.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,868 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.9	-4.2	5.2	27.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	467,868 (19.9)	18.0	15.1	11.0	21.9	9.2	11.6	1.3	1.2	1.1	0.9	8.3	31.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	82,585 (3.5)	36.5	8.7	9.9	-0.5	12.3	11.0	1.0	1.0	0.6	-1.2	2.3	-23.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	89,657 (3.8)	46.5	11.5	8.5	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.3	1.0	0.2	8.5	-3.6
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	288,778 (12.3)	38.9	-	13.6	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	1.5	-4.1	6.1	42.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	66,486 (2.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.5	-5.2	-0.9	59.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,738 (1.2)	4.6	14.8	12.8	-51.0	12.9	13.4	1.8	1.7	0.0	-2.2	-1.1	17.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	124,296 (5.3)	39.9	19.6	13.1	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	1.9	2.5	4.3	37.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	63,244 (2.7)	35.9	7.5	6.5	2.2	14.8	15.0	1.0	0.9	0.2	-0.5	1.7	-4.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	138,327 (5.9)	0.0	24.7	12.9	14.4	9.9	17.2	2.5	2.2	2.2	-1.4	10.7	-1.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	43,385 (1.8)	0.0	13.5	10.9	2.4	20.3	21.9	2.4	2.1	-1.2	-2.6	-1.5	-20.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,713 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.8	-2.4	23.3	57.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	56,644 (2.4)	30.3	49.9	20.7	-75.2	-	14.1	3.8	3.1	2.2	3.7	18.5	7.0
PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,725 (1.4)	34.6	10.8	10.8	41.2	17.6	15.8	1.8	1.6	2.2	1.2	8.6	19.0	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,606 (0.3)	45.4	13.3	12.4	10.7	25.6	24.6	3.4	2.8	2.4	1.0	15.3	49.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	73,803 (3.1)	0.0	15.7	13.0	15.5	27.5	27.9	3.9	3.3	0.7	1.1	3.0	10.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.